

LỄ CƯỚI CỦA NGƯỜI HÔNG TRẮNG HUYỆN ĐỒNG VĂN TỈNH HÀ GIANG

PHẠM QUANG HOAN

Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 1999, ở nước ta dân tộc Hmông có 787.604 người, chiếm 1% dân số của cả nước. Dân tộc Hmông có các nhóm như: Hmông Trắng, Hmông Hoa, Hmông Đen, Hmông Đỏ, Hmông Lai và nhóm Mèo Nước (Khổng Diễn: 1995, tr. 123). Mặc dù đã có một số chuyên khảo về dân tộc Hmông được xuất bản (Cư Hoà Văn, Hoàng Nam: 1994; Trần Hữu Sơn: 1996; Diệp Đình Hoa: 1998), nhưng vẫn còn nhiều điều chưa được biết đến về tộc người này, nhất là có rất ít những nghiên cứu sâu về các nhóm. Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng làm rõ một số đặc điểm lễ cưới của nhóm Hmông Trắng ở xóm Hồ Quán Phìn, xã Tà Phìn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Lễ cưới của người Hmông Trắng ở huyện Đồng Văn gồm các bước sau:

1. Lễ đậm hỏi (*mu dúm po nia*)

Gia đình nhà trai nhờ bác (*chí rỏ*) hoặc chú (*chí chớ*) và ông mối (*lủ mè công*) là người thuộc dòng họ khác trong làng, sang gia đình nhà gái thưa chuyện, thường khởi hành vào lúc sáng sớm. Trước khi đi gia đình thết một con gà để bác làm lễ xem chân gà (*sùu sa cay*). Theo quan niệm của người Hmông, nếu chân gà chụm lại là tốt, sẽ gặp thuận lợi khi đi ăn hỏi; nếu có ba ngón chụm lại và một ngón toẽ ra thì không nên đi hỏi vợ cho con, vì cho rằng khi đến nhà gái sẽ không được đón tiếp. Trong trường hợp không “gặp may” khi xem chân gà thì 2-3 ngày sau gia đình lại thết con gà khác để làm lễ xem chân gà lần thứ hai và cách xem chân gà vẫn tương tự như lần trước.

Hôm sang nhà gái làm lễ đậm hỏi, bác đi trước, ông mối đi theo sau. Trên đường đến nhà gái, đoàn nhà trai nhất thiết phải nghỉ giữa đường, gọi là nghỉ ăn cơm trưa (*sò nò sù*). Bác và ông mối lấy con gà đã luộc chín ra ăn với cơm, sau đó xem chân gà để dự đoán khi tới nhà gái câu chuyện giữa đôi bên sẽ diễn ra theo tình huống nào. Người Hmông quan niệm rằng nếu cả hai chân gà chụm lại là dễ thưa chuyện với nhà gái; nếu mỗi chân gà có 3 ngón chụm lại và một ngón toẽ ra là sẽ gặp chuyện rắc rối. Tuy nhiên trong thực tế, cho dù không được như ý muốn thì bác và ông mối vẫn tiếp tục lộ trình đến nhà gái vào ngày hôm đó. Tới nơi, bác và ông mối không được phép vào nhà ngay mà phải đứng thành hàng ngang phía ngoài trước cửa chính (*xìa mênh*) (bác đứng bên trái, ông mối đứng bên phải), nhìn vào trong nhà, nơi có bàn thờ ma nhà (*xử ca*). Lúc này một trong hai người, thường là bác phải hát bài xin mở cửa (*hải già sông*), sau đó cả hai người cùng bước vào nhà, đứng ở gian khách trước bàn thờ ma nhà để bác lại hát tiếp bài để ô (*trò cầu*); trong khi hát, bác cặp ô vào nách bên phải. Hát xong bác và ông mối ngồi ở gian khách, chỗ kê sát với gian bếp sưởi (*sá kho trừ*). Sau khi được bố cô gái mời hút thuốc, hai đại diện nhà trai bước vào gian bếp sưởi và mời lại thuốc bố cô gái. Sau đó bác nói với bố cô gái rằng: “Hãy cho chúng tôi xin một bó đóm để có ánh sáng soi đường đi” (*Pủ to ý te chau tơ ú pọ kẹ*). Bố cô gái đáp lại: “Hai bác từ nhà nào đến đây?” (*Né o từ từ chê tủa?*). Bác và ông mối tiếp lời: “Hai chúng tôi đi từ nhà ông A đến đây” (*Co ti lấu a chay tủa*). Bác và ông mối mời bố cô gái hút thuốc lần thứ hai, rồi từ gian bếp sưởi

bước ra gian khách, đứng trước bàn thờ ma nhà và hát bài giục bố cô gái chỉ đường đi (*hai già si sòng*). Hát xong bài này, bác cùng ông mỗi lại trở về gian bếp sưởi và mời bố cô gái hút thuốc lần thứ ba, đồng thời nói với ông ta rằng: “Hãy cho chúng tôi xin một bó đuốc nữa để có ánh sáng soi đường đi”. Bố cô gái trả lời: “Tôi chỉ biết sinh con, nuôi nó lớn khôn; tôi không biết gả con cho ai bây giờ”. Bởi vậy, đại diện nhà trai phải hát nhiều bài, nhiều lần thì nhà gái mới đồng ý cho bó đuốc để “chỉ đường đi”, có nghĩa là đồng ý gả con gái cho nhà trai.

Nhưng không phải chỉ có thế! Bố cô gái còn yêu cầu bác và ông mối nhà trai đi mời bác (hoặc chú) của cô gái đến nhà cháu gái để bàn việc xây dựng gia đình cho cháu. Đến nhà, bác và ông mối mời bác (chú) cô gái hút thuốc và nói: “Mời bác đi với chúng tôi đến nhà cháu gái để bàn chuyện trăm năm cho cháu”. Trường hợp nhà cháu gái ở gần, thì bác cô gái để bác và ông mối nhà trai ngồi chờ một lát, còn ông ta đến gặp và trao đổi ý kiến trước với cậu cô gái, sau đó mời hai đại diện nhà trai đến nhà cậu cô gái để bàn chuyện. Sau khi đã đạt được sự nhất trí, bác, ông mối, cậu và bác cô gái cùng đến gặp bố mẹ cô gái để thưa chuyện. Người Hmông quan niệm rằng, một khi nhà gái đồng ý để bác và ông mối nhà trai lần lượt đến mời cậu, bác cô gái có nghĩa là đã nhận lời làm thông gia với gia đình nhà trai. Nếu không đồng ý làm thông gia thì bố mẹ cô gái sẽ không đề nghị bác và ông mối đến gặp cậu và bác cô ta.

Tại gia đình nhà gái, sau khi lần lượt mời bác và cậu cô gái hút thuốc, bác hoặc ông mối hát bài *sẻnh sòng* với ngụ ý thúc giục bác và cậu cô gái "can thiệp" vào việc gả cháu cho nhà trai. Trong lúc bác cùng ông mối nhà trai mời bác và cậu cô gái hút thuốc thì bố mẹ nàng ngồi chờ ở gian bếp lò hoặc tạm "lánh" sang nhà anh em họ hàng ở gần

đấy. Lúc này bác nói với bác và cậu cô gái rằng: “Chúng tôi nhờ hai bác hỏi xem bố mẹ cô gái thách cưới bao nhiêu?” (*Chi ló thía tá lâu né pa chữ se nia chi nò ho tàu*). Sau khi trao đổi ý kiến với bố mẹ cô gái, bác và cậu thông báo cho bác, ông mối nhà trai biết về số lượng thịt, rượu mà nhà gái yêu cầu. Câu chuyện bàn về lễ vật thách cưới (*to san sái*) giữa đại diện nhà trai và nhà gái thường kéo dài vài giờ đồng hồ mới đi đến sự nhất trí. Sau đó bác và ông mối nhà trai đứng ở gian khách trước bàn thờ ma nhà để hát bài đồng ý về số lượng rượu, thịt. Hát xong, hai đại diện nhà trai khấn vái ma nhà của nhà gái một lần, rồi đi vào gian bếp sưởi để mời thuốc bác và cậu cô gái, đồng thời hẹn ngày, giờ sẽ mang rượu, thịt đến nhà gái. Sau nghi thức này, bác và ông mối lên đường trở về nhà trai, tuy nhiên không nghỉ ăn cơm giữa đường và không mang ô về nhà trai nữa (nếu nhà gái không đồng ý gả con gái thì bác và ông mối phải mang ô về).

2. Lễ bàn giao rượu thịt lần đầu (*cho cày chò*)

Về đến nhà, bác và ông mối thông báo lại cho bố và anh em họ hàng nhà trai biết về số lượng thịt rượu mà nhà gái yêu cầu, cũng như ngày giờ quy định phải mang những lễ vật sang nhà gái. Sau khi bàn bạc và có sự nhất trí trong họ tộc, gia đình chuẩn bị đủ số rượu thịt và nhờ một số thanh niên trong họ hoặc khác họ (nhưng không thuộc họ nhà gái) mang sang nhà gái. Lễ bàn giao thịt rượu cho nhà gái thường được tiến hành sau lễ dạm hỏi một, hai ngày.

Đoàn nhà trai thực hiện lễ bàn giao thịt rượu cho nhà gái gồm có 6 người: bác dẫn đầu, ông mối đi theo sau, bốn thanh niên gồm hai người gửi rượu và hai người gửi thịt đi sau cùng. Người Hmông quan niệm rằng số người đi sang nhà gái luôn phải là số chẵn và số lễ vật dù nhiều hay ít thì số gửi để

đựng cũng luôn phải là số chẵn. Nếu không làm như vậy thì đôi trai gái sau này thành vợ chồng sẽ hay cãi nhau và sống không hạnh phúc.

Khi gần đến nhà gái, đoàn nhà trai nhất thiết phải nghỉ để ăn cơm trưa (*sò nò sù*) và phải tổ chức cúng ma hòn đá (*lay đá*). Lễ vật cúng ma hòn đá là một miếng cơm, ít thịt, một chén rượu đặt cạnh hòn đá gần chỗ ngồi ăn cơm. Thường bác thực hiện nghi lễ cúng ma hòn đá; nếu bác không biết cúng thì ông mối cúng thay. Ăn cơm và cúng ma hòn đá xong, trước khi tiếp tục lộ trình đến nhà gái, bác và ông mối kiểm tra kỹ lưỡng bốn gùi lễ vật mang theo (hai gùi rượu và hai gùi thịt), rồi xếp thành một hàng: hai gùi rượu để trước, hai gùi thịt xếp sau.

Đến nhà gái, đoàn nhà trai phải đi qua cửa chính theo thứ tự bác vào nhà trước, đi theo sau là ông mối và bốn người gùi thịt, rượu. Đại diện nhà gái, thường là bác (cũng gọi là *chí rỏ*) hoặc cậu (*trông trai nính*) ra nhận lễ vật và để ngay tại gian khách trước bàn thờ ma nhà. Bác và ông mối nhà trai chủ động nhắc thử từng gùi lễ vật với dụng ý thông báo cho nhà gái biết là mọi thứ đều đầy đủ. Sau đó bác và cậu cô gái "kiểm tra lại" từng gùi rượu, thịt, rồi thông báo chi tiết kết quả cho bố và anh em họ hàng nhà gái biết. Toàn bộ số lễ vật được anh em nhà gái để vào vị trí gần gian bếp lò. Hôm đó dù khách nhiều hay ít, nhà gái chỉ bố trí 3 cái bàn với 3 mâm cơm tại gian khách, trong đó có hai mâm đặt đối diện với hai bàn thờ ma nhà, còn mâm thứ ba đặt ở vị trí tiếp giáp gian bếp lò.

Vào ngày đón dâu, tùy theo số lượng khách mà có thể bày 5-7 mâm hoặc nhiều hơn, nhưng số món ăn trong mỗi mâm cũng luôn phải là số lẻ 3, 5, 7, 9,... Điều lưu ý nữa là, số chén rượu mà mỗi người uống cũng phải là số lẻ: 1, 3, 5, 7,... Hiện tượng "số lẻ"

ở đây được người Hmông giải thích rằng vì lúc này đôi trai gái vẫn chưa thành vợ chồng và vẫn chưa sống chung một nhà. Quan niệm này, hoàn toàn khác với quan niệm về "số lẻ" trong trong lễ cúng ma bò (*nhụ da*), ma buông (*da trông*) của các dòng họ Hmông (Phạm Quang Hoan: 1994).

Thông lệ, mỗi mâm có 8 người. Mâm thứ nhất dành cho hai người gùi rượu của nhà trai cùng với chú, bác nhà gái. Mâm thứ hai - mâm quan trọng nhất gọi là *trông mệnh cúng* dành cho bác và ông mối nhà trai, bác, cậu cùng bốn đại diện khác của nhà gái: chủ hôn (*tù chữ trì*), chủ bếp (*sừ cá*), hai người họ hàng cùng thế hệ với bác nhà gái. Ngồi mâm thứ ba có hai người gùi thịt của nhà trai và những người cùng thế hệ bên nhà gái.

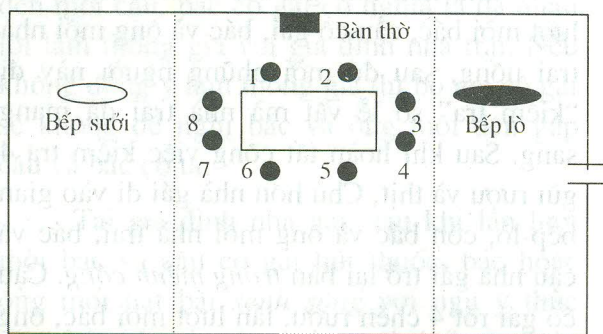
Uống rượu và ăn cơm xong, người ta vẫn để 3 cái bàn tại gian khách, còn mâm thì mang vào gian bếp lò. Lúc này ông chủ hôn đem 4 gùi đựng rượu, thịt từ gian bếp sưởi ra để ở gian khách, đúng vào vị trí mà nhà trai đã để lễ vật trước đó. Tiếp theo ông lấy 4 chén rượu để vào bàn thứ 2, rồi lần lượt mời bác và cậu cô gái uống, đồng thời nói với họ rằng công việc đã được chuẩn bị xong xuôi. Sau đó bác, cậu và ông chủ hôn nhà gái, bác và ông mối nhà trai ngồi vào bàn *trông mệnh cúng*.

Chủ hôn nhà gái rót 4 chén rượu, lần lượt mời bác, cậu cô gái, bác và ông mối nhà trai uống, sau đó mời những người này đi "kiểm tra" số lễ vật mà nhà trai đã mang sang. Sau khi hoàn tất công việc kiểm tra 4 gùi rượu và thịt, Chủ hôn nhà gái đi vào gian bếp lò, còn bác và ông mối nhà trai, bác và cậu nhà gái trở lại bàn *trông mệnh cúng*. Cậu cô gái rót 4 chén rượu, lần lượt mời bác, ông mối nhà trai, bác nhà gái - tất cả 4 người cùng uống gọi là chén rượu chia tay (*hầu chơ phái chề*). Cậu cô gái rót tiếp 4 chén

rượu nữa, đưa cho bác và ông mỗi nhà trai, mỗi người uống thêm 2 chén.

Uống xong chén rượu chia tay, những người ngồi ở bàn *trông mệnh cúng* thực hiện nghi lễ gọi là đổi chỗ cho nhau (*lóng tro*): Bác nhà trai đứng vào chỗ của ông mối; ông mối đứng vào chỗ của cậu nhà gái; cậu thế vào chỗ bác nhà gái; bác nhà gái thay vào chỗ của bác nhà trai. Sau đó cậu cô gái lại rót tiếp 4 chén rượu và đưa cho bác nhà trai để mời 4 người đã gửi lễ vật sang nhà gái. Uống rượu xong, những người này cầm gửi bước qua cửa chính đi thẳng về nhà trai. Cậu cô gái rót tiếp 4 chén rượu mời bác và ông mối nhà trai, mỗi người uống 2 chén gọi là chén rượu trả lại ô (*tro cầu*). Sau đó bác nhà gái lấy chiếc ô dựng dưới bàn thờ ma nhà giao lại cho bác nhà trai, rồi đoàn người đi làm lễ giao rượu thịt bước qua cửa chính để trở về nhà trai.

Về đến nhà, gia đình tổ chức bữa cơm thân mật mời tất cả những người đã tham dự lễ bàn giao rượu thịt. Khác với ở nhà gái, số mâm và số món ăn ở nhà trai luôn phải là số chẵn: 2, 4, 6... Tại nhà trai, ông mối thông báo cho gia đình biết về thời gian sẽ tổ chức đám cưới, về số lễ vật (thịt, rượu, tiền, quần áo) mà gia đình nhà gái yêu cầu cho tổ chức lễ cưới.



Chú thích

- | | |
|----------------|-----------------------|
| 1. Bó chàng rể | 5. Chú cô dâu |
| 2. Bó cô dâu | 6. <i>Mù sèo sống</i> |
| 3. Bác cô dâu | 7. Con trai bác |
| 4. Cậu cô dâu | 8. Con trai chú |

3. Lễ thoả thuận lại rượu thịt

Khoảng một tháng sau lễ dạm hỏi, gia đình nhà trai chuẩn bị sẵn một bình rượu, hai con gà sống (1 trống, 1 mái khoảng 0,8kg - 1kg) nhốt trong cái rọ đan bằng tre để mang sang nhà gái (thường nhà trai cử một người trong dòng họ sang nhà gái thông báo trước về ngày, giờ đoàn sẽ tới). Đến ngày đã hẹn, bố chàng trai cùng người giúp việc gọi là *mu sèo sống* lên đường đến nhà gái, bố chàng trai đi trước, *mu sèo sống* đi sau, “gánh” trên vai con gà và bị đông rượu được buộc chặt vào hai đầu một gậy tre dài khoảng 1,5m.

Tới nhà gái, bố chàng trai và *mu sèo sống* bước vào nhà qua cửa chính, để rọ gà cùng bị đông rượu tại một góc của gian khách tiếp giáp với bếp lò, sau đó đi vào gian bếp sưởi, tại đây hai người được bố cô gái mời hút thuốc. Trong lúc bố chàng trai vẫn ngồi ở gian bếp sưởi thì *mu sèo sống* mời bố cô gái ra gian khách để giao lại hai con gà và bị đông rượu, rồi cả hai người lại trở về gian bếp sưởi hút thuốc. Bố cô gái nhờ anh em họ hàng thịt 3 con gà, trong đó có 2 con do nhà trai mang sang, luộc chín, chặt thành miếng xếp vào đĩa (số đĩa phải là số lẻ) đặt trên mâm để ở gian khách. Sau đó mọi người ngồi vào mâm theo thứ tự (xem sơ đồ 1):

Sơ đồ 1



Theo tập quán, bố chàng rể tương lai và *mù sèo sòng* phải đứng dậy mời thuốc các thành viên gia đình nhà gái có mặt hôm đó như: bố, bác, cậu, con trai của bác. *Mù sèo sòng* thay mặt nhà trai nói với bố và họ hàng nhà gái rằng: “Theo sự sắp đặt của gia đình, hôm nay chúng tôi đến đây để nhận thông gia và bàn bạc lại về số rượu thịt, mặc dù đôi bên đã thoả thuận” (*Tau nhính chợ sừ chính, nong nè ư tua dậu tỳ y chìa dểnh cư chua thia trừa lù cay chơ tờ tàu chơ chan o to tư tàu pa*). Bố chàng trai tiếp lời: “Hôm nay hai thông gia chúng ta gặp mặt nhau để trao đổi thoả thuận lại về số rượu thịt mà hai bên đã nhất trí” (*Nong nè ư o tù cư chua sừ chỉ chìa thờ pa, lu trừa cay chơ tư tô o to thông dị*). Bố cô gái đáp lại: “Hai bên đã thoả thuận rồi nên không có gì thay đổi cả” (*Tư tàu o tò thà pa, chì mua da chì lóng sía*). Bố chàng trai nói tiếp: “Mặc dù đã thoả thuận, nhưng hôm nay hai thông gia gặp nhau nên tôi muốn xin giảm một ít lễ vật có được không?” (*Tư tàu o tò thà pa dò nho lý ư o tổ cư chua chì pù tợ nê sà thờ trơ y chỉ tàu chì tàu?*). Bố cô gái trả lời: “Vậy giảm bao nhiêu là hợp lý, thông gia hãy nói luôn?” (*Nho lý dị chểnh chùa ho tàu thia phụ sía, pu chàu chìa thạ dò?*). Lúc này, bố chàng trai có lời ngay: “Tuy hai bên đã thoả thuận, nhưng chúng ta gặp nhau hôm nay mới là quyết định. Theo ý của nhà trai thì 30kg thịt, 30 lít rượu, 30.000^d có được không? Còn về thủ tục mang các lễ vật thì phải thực hiện đúng theo phong tục dân tộc”. (*Chơ châu ó tổ tư thà pa tàu chì chua ư ó tổ cư chua sừ chỉ thia chểnh tạ, chơ châu dị chểnh u pe chàu chìa cay, pe chàu chia chơ, pe chàu chia chìa, sừ phung sừ tổ lý da khũa chì chơ tàu u dua ùa cộ chàu*). Lúc này bố cô gái chấp thuận lời đề nghị của nhà trai.

4. Lễ báo đón dâu

Trước lễ cưới một tháng, nhà trai lại nhờ một người khác họ gọi là *mù dậu sí* cùng bố chàng trai sang nhà gái để thoả thuận về ngày, giờ đón dâu. Lễ vật mang theo và trình tự đi cũng giống như hôm đi làm lễ thoả thuận lại thịt rượu. Tới nhà gái, *mù dậu sí* nói: “Hôm nay chúng tôi sang đây để thoả thuận rằng đến ngày đón cô dâu còn 30 ngày nữa” (*Nong nè ư tùa qui tểng sừ chính chìa dể chơ từ sí chùa y lý tử nong nè*). Bố chàng trai tiếp lời: “Theo phong tục tập quán, chúng tôi đã nhờ người xem ngày, tháng, giờ và chỉ đón dâu vào ngày 30 tới mới là ngày hạnh phúc” (*Trơ phống sừ tây sừ tư nhính chợ nông lý lu sòng dò lý y lý tử nong nè chàu nhá thia sỉnh phừ*). Bố cô gái đáp lại: “Tôi hoàn toàn đồng ý, tôi không bao giờ chọn ngày giờ để gả chồng cho con gái” (*Lù nè ù thông dị tà hu hu. U chì thậu từ ký tểng nông sà sài*). Sau đó là bữa cơm chia tay thân mật giữa đại diện của hai gia đình.

5. Lễ đón dâu

Đến ngày đã định, đoàn nhà trai sang nhà gái đón dâu, thường có 11 người. Hôm đoàn sang nhà gái phải mang theo các lễ vật như: 30kg thịt lợn, 30 lít rượu, 30.000 đồng, một đôi gà còn sống nhốt trong lồng (một con trống, con một mái), một cái liềm. Chú rể “gánh” 2 con gà và cái liềm được buộc vào một gậy tre, thịt và rượu đựng trong gùi do hai người nấu bếp (*sừ cá*) đeo, số tiền 30.000 đồng do ông chủ hôn (*dừa li*) cất giữ. Ngoài số lễ vật được gọi là của thách cưới này, đoàn nhà trai còn phải mang theo 7 chai rượu, 5 con gà đã luộc chín, 2-3 miếng thịt lợn hoặc thịt bò, một túi vải lạnh đựng cơm để ăn dọc đường, một bó hương, một cái điếu cày. Bác dẫn đầu đoàn đón dâu, tay cầm cái ô làm bằng giấy màu có một cái khăn buộc vào giữa cán ô. Hiện nay dòng họ nào

cũng có từ 1-2 cái ô giấy gọi là *lú câu tổ* để đi hỏi vợ và đón dâu cho người của dòng họ mình. Theo phong tục của người Hmông, nếu đi hỏi vợ mang theo ô đen sẽ bị gia đình nhà gái phạt bằng cách ép uống rượu cho đến khi nào bị say mới thôi.

Giống như ngày đi làm lễ dạm hỏi, khi gần đến nhà gái đoàn đón dâu phải nghỉ ăn cơm trưa dọc đường và cúng ma hòn đá. Đồ ăn trưa là 2 con gà luộc, 2 miếng thịt lợn hoặc thịt bò, cơm và 2 chai rượu. Ăn cơm xong, ông chủ hôn lấy một ít cơm, vài miếng thịt để vào cái thìa gỗ và rót ít rượu vào chén, rồi đặt những lễ vật này tại chỗ có hòn đá “thiên” để cúng. Ông chủ hôn tay phải cầm cái thìa có thịt, tay trái cầm chén rượu, đứng trước tảng đá cầu khẩn tất cả những người đã chết thuộc ba đời (ông - cụ - kị) của các dòng họ Hmông, với mục đích để đoàn đón dâu nhận được sự bình an lúc đi cũng như khi trở về. Cúng ma hòn đá xong, đoàn đón dâu tiếp tục hành trình đến nhà gái.

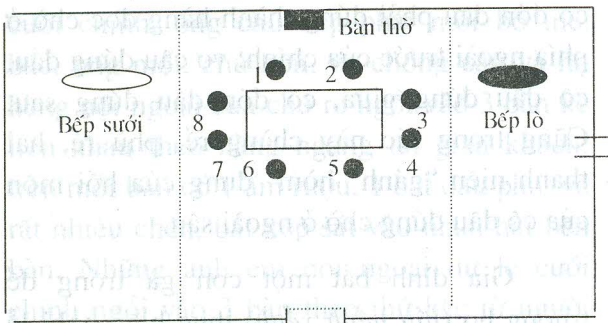
Đến nhà gái, bác và ông mối mời bác và cậu cô gái hút thuốc, đồng thời hỏi xem ai là chủ hôn nhà gái (cũng gọi là *dù li*) để nhà trai gặp thưa chuyện. Sau đó, bác và cậu cô gái mời chủ hôn nhà gái đến gian khách, nơi có đại diện nhà trai đang ngồi chờ, để bàn chuyện. Bác và cậu cô gái mời bác và ông mối nhà trai hút thuốc, đồng thời giới thiệu chủ hôn nhà gái với những người của nhà trai có mặt hôm đó. Đến lượt mình, bác, ông mối và chủ hôn nhà trai lần lượt mời bác, cậu và chủ hôn nhà gái uống nước, hút thuốc. Bác và cậu cô gái nói với đoàn nhà trai rằng: “Các bác từ nơi xa đến đây, ăn cơm xong chúng ta sẽ bàn bạc các thủ tục”. Đại diện nhà trai đáp lại: “Chúng tôi vừa ăn cơm xong nên xin phép ngồi chờ”.

Sau khi ăn cơm xong, chủ hôn nhà gái lấy 4 cái chén và 2 bát đậu phụ (mỗi bát có

4 miếng nhỏ) đặt vào mâm *trông mệnh công*, rồi mời bác, ông mối nhà trai ngồi vào mâm này. Chủ hôn nhà gái rót rượu vào 4 chén lần lượt mời: bác và cậu cô gái, bác và ông mối nhà trai, mỗi người uống 1 chén. Tiếp theo cậu cô gái rót rượu vào 4 chén, rồi đưa cho chủ hôn nhà trai 2 chén và chủ hôn nhà gái 2 chén, đồng thời giao nhiệm vụ cho hai chủ hôn. Đến lượt mình, chủ hôn nhà trai rót rượu vào 4 chén để mời bác, cậu cô gái, bác và ông mối nhà trai, mỗi người uống 1 chén. Sau đó chủ hôn nhà trai lấy chai rượu và con gà từ trong gùi ra đặt vào mâm *trông mệnh công*, rồi lấy tiếp 2 con gà còn sống, 1 chai rượu và 30.000đ đặt vào mâm này. Chủ hôn nhà trai mời chủ hôn nhà gái kiểm tra lại xem lễ vật của nhà trai có “đủ cân” không, sau đó trở về ngồi vào mâm *trông mệnh công* để thông báo cho bác, cậu nhà gái biết. Tất cả đại diện của hai gia đình đi đến chỗ đặt 4 gùi lễ vật để nhắc thử và uống thử xem rượu có ngon không, rồi lại quay về ngồi ở mâm *trông mệnh công*. Cậu và bác cô gái giao cho chủ bếp (*trông cá*) nhà gái toàn bộ số lễ vật để mang vào gian bếp chuẩn bị nấu nướng.

Nấu các món ăn xong, người ta bày 3 mâm tại gian khách; còn các mâm khác phải bố trí ở đầu hồi hoặc ngoài hè, hoặc trong gian bếp. Đáng chú ý là, mỗi mâm chỉ có 8 người và dù mâm được đặt ở gian khách, trong bếp hay ngoài hè,... thì mỗi người chỉ được phép uống 1, 3, 5, 7,...chén rượu.

Ngồi ở mâm thứ nhất có: bác, ông mối và chủ hôn nhà trai, bác, cậu, chủ hôn, người phụ trách chính hậu cần tiếp khách và người chỉ đạo làm các món ăn của nhà gái. Người Hmông gọi mâm này là mâm chính (*trông mệnh công*) và những người ngồi ở mâm *trông mệnh công* có vai trò quyết định trong lễ cưới của con cháu (xem sơ đồ 2):



Chú thích

1. Bác nhà trai
2. Bác nhà gái
3. Người phụ trách chính hậu cần
4. Người chỉ đạo làm các món ăn
5. Cậu cô dâu
6. Ông mối nhà trai
7. Chủ hôn nhà trai
8. Chủ hôn nhà gái

Ngồi ở mâm thứ hai có: chú và cậu nhà gái, hai phù rể, chàng rể, anh (em) trai cô dâu, người đỡ rượu cho cậu cô gái gọi là *chàng chúa sù*, người phụ trách thực phẩm gọi là *sừ cá*.

Ngồi ở mâm thứ ba có: vợ của bác và cậu nhà gái, vợ của chú và anh (em) trai cô dâu, cô đón dâu nhà trai gọi là *tù ua lùa*, con gái của bác nhà gái, vợ của cậu, bà phụ trách nấu cơm gọi là *nĩa phá tra*.

Ăn cơm xong, người phụ trách chính hậu cần chỉ đạo những người nấu ăn dọn hết bát đĩa ở mâm *trông mệnh công*, rồi đặt vào mâm này 2 cái bát, 4 cái chén (trong mỗi bát có 2 hoặc 4 miếng đậu phụ nhỏ). Người phụ trách chính hậu cần bàn giao mâm này cho chủ hôn nhà gái để chuẩn bị làm các thủ tục tiễn đưa cô dâu về nhà chồng. Chủ hôn nhà gái bảo người phụ trách chính hậu cần mang 5 chai rượu của nhà trai đặt trên mâm *trông mệnh công* và 4 cái gùi có lễ vật để tại gian khách cho họ hàng nhà gái “kiểm tra” lại một lần nữa, đồng thời bảo ông ta nhắc nhở họ hàng nếu định tặng cô dâu cái gì thì mang ra. Lúc này các anh em trai của cô dâu cũng nhờ ông ta đưa tiền tiễn đưa cô dâu về nhà chồng để chủ hôn nhà trai mang về “bàn giao” cho bố mẹ chàng rể. Em ruột và cháu ruột cô dâu khiêng cái hòm (*kỷ trứ*) đựng của hồi môn từ trong buồng ra, để chủ hôn nhà

Sơ đồ 2

gái trao cái hòm đó cho 2 thanh niên (*phi la*) trong đoàn đón dâu “gánh” về nhà trai.

Sau khi giao hòm đựng của hồi môn cho 2 thanh niên, chủ hôn nhà gái nói với người phụ trách chính hậu cần rằng: “Hãy mở cửa để thả bò ra” (*Khi trông của trò nhu tở*). Người phụ trách chính hậu cần đáp lại: “Phải cày nương xong thì mới thả bò” (*Lày tế ta u thìà trò nhu*). Tiếp lời, ông ta, chủ hôn nhà trai mời chàng rể và 2 phù rể đứng trước cửa chính (chàng rể đứng giữa, hai phù rể đứng hai bên), mặt nhìn về phía bàn thờ ma nhà, quỳ vái lạy tổ tiên (*pe chú trống*) nhà gái 30 - 40 lần. Sau đó chủ hôn nhà trai đứng cạnh mâm *trông mệnh công* và xưng tên anh em họ hàng còn sống của nhà gái theo thứ bậc từ già đến trẻ, đọc đến tên ai thì chàng rể và 2 phù rể phải vái lạy người đó 2 lần. Tiếp đến chàng rể và hai phù rể còn phải vái lạy ma nhà và ma của nhà gái 2 lần.

Sau các nghi lễ trên, chú rể, phù rể, cậu cô gái mang 4 gùi đã đựng lễ vật của nhà trai, hòm đựng của hồi môn của cô dâu để ở ngoài sân. Còn vợ của cậu và cô đón dâu (*tù ua lau*) đứng ở bên ngoài cạnh cửa chính để chờ đón cô dâu từ trong nhà đi ra. Lúc này em trai và cháu trai của cô dâu cầm tay cô dâu “kéo” từ buồng qua gian khách (mỗi người “kéo” một tay), qua cửa chính, qua cổng nhà đi đến chỗ ngã ba đường thì mới bỏ tay ra, tục cầm tay cô dâu “kéo” gọi là *tủa tế*.

Khi bị kéo, cô dâu cầm khăn mùi xoa che mặt khóc, còn vợ của cậu và cô đón dâu đi theo sau. Tại chỗ ngã ba đường gần nhà, chàng rể và phù rể phải vái lạy em trai và cháu trai của cô dâu, mỗi người 2 lần. Khi hai thanh niên bỏ tay ra “không kéo” cô dâu nữa thì vợ của cậu nắm tay phải cô dâu kéo nhẹ và nói nhỏ: “Hãy đi cùng chúng tôi” (*Lò pé mù*), rồi bà bước đi trước, cô dâu đi giữa, cô đón dâu đi sau cùng. Còn chàng rể và hai phù rể đi trước hay sau là tùy.

Trong lúc cô dâu bị kéo ra khỏi nhà thì bác, ông mối và chủ hôn nhà trai vẫn ngồi ở mâm *trông mệnh cúng*, uống rượu chia tay với bác, cậu cô gái và làm các thủ tục tiếp theo. Lúc này chủ hôn nhà gái không ngồi ở mâm *trông mệnh cúng* nữa mà đi vào gian bếp sưởi hoặc gian bếp lò, coi như đã làm xong nhiệm vụ được giao. Tại mâm *trông mệnh cúng*, cậu cô gái rót 4 chén rượu mời bác và ông mối, mỗi người uống 2 chén, sau đó đổi chỗ cho nhau, gọi là *ti trông* (quay bàn). Cậu cô gái rót tiếp 4 chén rượu mời bác và ông mối, mỗi người uống 2 chén nữa, gọi là uống rượu giao lại ô (*hầu chó chó cậu*). Nếu bác và ông mối không uống được thì phải hát bài “đón ô” để nhờ cậu cô gái uống giúp. Trường hợp bác và ông mối không biết hát bài này thì phải uống hết hai chén rượu; nếu từ chối thì bác nhà gái sẽ không đưa lại ô cho bác nhà trai. Trong lúc bác và ông mối làm thủ tục “nhận lại” ô thì đoàn đón dâu vẫn đi rất chậm để chờ hai người này.

Trên đường từ nhà gái đến chỗ có hòn đá “thiên”, nơi nghỉ ăn cơm trưa, đoàn đón dâu không phải đi theo thứ tự quy định. Nhưng khi ăn cơm xong, đoàn đón dâu phải đi theo thứ tự: bác dẫn đầu, theo sau là ông mối, chủ hôn, cô dâu, cô đón dâu....

Về đến nhà trai, bác, ông mối, chủ hôn, cậu đi vào nhà trước, còn vợ cậu, cô dâu và

cô đón dâu phải đứng thành hàng dọc chờ ở phía ngoài trước cửa chính: vợ cậu đứng đầu, cô dâu đứng giữa, cô đón dâu đứng sau. Cũng trong lúc này chàng rể, phù rể, hai thanh niên “gánh” hòm đựng của hồi môn của cô dâu đứng chờ ở ngoài sân.

Gia đình bắt một con gà trống để trưởng họ (*lâu nênh xênh*) thực hiện nghi lễ *lủ cay*: tay phải ông ta cầm chân con gà khua trên đầu cô dâu 3 lần ngược kim đồng hồ và 3 lần theo chiều kim đồng hồ, sau đó thả con gà ra sân. Trong lúc trưởng họ thực hiện nghi lễ, vợ cậu cầm cái ô, tự mở ra và quay tán ô vào phía trong nhà, còn cô đón dâu tay cầm một cái ô khác, cũng tự mở ra và quay tán ô ra phía sân. Người Hmông giải thích rằng, thực hiện nghi lễ *lủ cay* là nhằm xua đuổi các tà ma đã bám vào người cô dâu, và để tiếp nhận cô dâu là thành viên của dòng họ nhà trai. Sau đó, vợ cậu và cô đón dâu dẫn cô dâu vào buồng hạnh phúc. Tại đây, cô dâu nghỉ ngơi một chút, rồi cởi bộ quần áo cưới ra, gấp cẩn thận xếp vào hòm đựng của hồi môn và mặc bộ quần áo thường ngày, đi ra gian bếp lò để gặp gỡ, trò chuyện với mọi người trong gia đình, dòng họ nhà trai. Theo phong tục, sau khi làm lễ *lủ cay*, chàng rể, phù rể và những người “gánh” hòm đựng của hồi môn của cô dâu mới được phép vào nhà. Hòm đựng của hồi môn và chân, chiếu (nếu có) được mang vào buồng cô dâu, còn gùi và bị đựng đựng rượu được giao lại cho bộ phận hậu cần tại gian bếp lò.

6. Lễ cưới chính thức (*chênh chó*)

Người Hmông quan niệm ngày đón dâu về đến nhà chồng là ngày tổ chức lễ cưới chính thức và có hai tình huống có thể xảy ra. Tình huống thứ nhất: Nếu hôm đi đón dâu mỗi người tham gia đoàn được ông chủ bếp của nhà trai mời uống 2 chén nước chè trước lúc ngồi vào mâm cơm, thì tối hôm

cưới chính, ông chủ bếp phải mời bố mẹ, bác, ông mối, chủ hôn, vợ chồng cậu và họ hàng nội ngoại của chú rể ngồi vào 3 bàn kê liền nhau theo hàng ngang tại gian khách; trên mỗi bàn có 1 ấm rượu, 1 bát đậu phụ và rất nhiều chén, bát xếp sát vào nhau hai bên bàn. Những anh em nội ngoại dự lễ cưới chính ngồi vào 3 bàn theo thứ bậc từ người cao tuổi đến người ít tuổi, không phân biệt nam nữ. Đây là lễ hát vui, chúc rượu nhau gọi là *trò chớ*. Hôm đó cô dâu và phù dâu cũng có mặt trong tiệc cưới nhưng không ngồi vào bàn vì cảm thấy rất "buồn". Chú rể đi lại xung quanh 3 bàn nhưng cũng không ngồi vào bàn, nhất là tránh để say rượu và luôn phải giữ mình ở trạng thái tỉnh táo. Trong 3 đêm tổ chức cưới chính, cô dâu và cô đón dâu cùng ngủ trong buồng hạnh phúc của cặp vợ chồng trẻ. Còn chú rể có thể ngủ trên gác (*lúng tha*) hoặc ngủ ở giường khách. Kể từ ngày thứ tư sau lễ cưới chính, cặp tân hôn mới được phép chung chăn gối. Tình huống thứ hai: Ngày đi đón dâu, nếu những người tham gia đoàn chỉ được mời ăn cơm và không được mời uống nước chè, thì tối hôm *chễnh chớ* gia đình nhà trai cũng xếp 3 bàn kê liền nhau tại gian khách, nhưng trên mỗi bàn chỉ để 1 ấm rượu, không có 3 bát đậu phụ luộc, không xếp bát, chén sát nhau xung quanh bàn và số lượng bát, chén cũng ít hơn tình huống thứ nhất; đồng thời cũng không quy định chỗ ngồi cho những người tham dự.

Sau lễ cưới chính là bữa cơm kết thúc (*công chớ*). Hôm đó, sau bữa ăn sáng (mỗi mâm chỉ có 4 đĩa thức ăn), gia đình nhà trai chuẩn bị bữa trưa - bữa cơm kết thúc khá chu đáo, có thịt lợn và rượu. Theo phong tục, số mâm và số món ăn trong bữa trưa phải bằng số mâm và số món ăn của lễ cưới chính. Trong khi những người cấp dưỡng chuẩn bị thịt, rượu để nấu bữa cơm trưa thì người phụ trách chính hậu cần giao quyền cho chủ hôn

tặng quà cho những người đã tham gia đoàn đi đón dâu. Cụ thể như sau: Bác, ông mối và chủ hôn, mỗi người được 1kg thịt lợn và 2000- 4000đ; cậu được 1kg thịt (nếu không nhận thịt thì nhận 4000đ); vợ cậu, phù dâu, phù rể mỗi người được 2000-4000đ. Trước sự chứng kiến của người phụ trách chính hậu cần, cậu, vợ cậu và anh em họ hàng, chủ hôn trao lại cho bố chàng rể số tiền mà anh em họ hàng nhà gái đã tặng cô dâu trước khi về nhà chồng. Việc trao tiền được thực hiện tại gian khách gần bàn thờ ma nhà. Sau khi nhận số tiền này từ tay chủ hôn, bố chàng rể đưa lại đôi vợ chồng trẻ.

7. Lễ đưa dâu về qua cửa nhà bố mẹ vợ (*trò mu trừ khó chồng*)

Sau bữa cơm kết thúc 3 ngày, bố mẹ đưa đôi vợ chồng trẻ sang nhà gái để làm lễ lại mặt, còn gọi là đưa dâu về qua cửa nhà bố mẹ vợ. Lễ qua cửa thường được tiến hành vào buổi chiều, khi đi bố chàng rể mang theo một 1 chai rượu. Trên đường đến nhà gái, bố đi trước, mẹ theo sau, cô dâu chú rể đi sau cùng. Tại nhà gái, đoàn nhà trai được tiếp đón bằng bữa cơm thân mật, tuy nhiên trước khi ăn bố, mẹ cô dâu đưa chai rượu của nhà trai cho trưởng họ để cúng tổ tiên nhà gái. Trong lúc ăn cơm, hai bên cha mẹ căn dặn cặp vợ chồng trẻ phải siêng năng lao động, làm ra nhiều thóc gạo và giữ gìn hạnh phúc trăm năm. Sáng ngày hôm sau, ăn cơm xong, bố mẹ và cặp vợ chồng trẻ trở về nhà mình.

Trong 3 năm đầu kể từ khi kết hôn, cặp vợ chồng trẻ thường sang nhà bố mẹ vợ vào ngày mùng 3, 4 tết. Tết năm đầu bố mẹ đưa hai vợ chồng trẻ sang nhà thông gia, mang theo một chai rượu, một miếng thịt lợn (dài sườn) khoảng 2kg để chúc năm mới các thành viên trong gia đình nhà vợ. Hôm đó, khi mọi người đã ngồi quanh mâm cơm, và

khi bố chàng rể đã mời thuốc mọi người, chú rể đứng trước mâm cơm (phía đối diện bàn thờ ma nhà), nghe bố đọc đến tên người nào thì chàng rể phải quỳ lạy người đó một vái. Tết năm thứ 2, thứ 3, cặp vợ chồng trẻ thường tự sang nhà bố mẹ vợ và cũng mang theo lễ vật như tết năm đầu.

Tết năm đầu bố mẹ chồng và đôi vợ chồng trẻ ngủ tại nhà thông gia một đêm, sáng hôm sau mới trở về nhà mình. Còn tết hai năm tiếp theo đôi vợ chồng có thể ở chơi nhà bố mẹ vợ 2,3 ngày, nhưng khi trở về nhất thiết phải đi cùng nhau, có như vậy theo quan niệm dân gian thì sau này mới hạnh phúc.

Trước kia, khi con dâu về nhà chồng, bố mẹ thường cho một con bò cái hoặc một con lợn cái để làm giống. Tục lệ này đến nay vẫn còn phổ biến ở người Hmông và xuất phát từ quan niệm cho rằng, con gái nhất thiết phải có một con bò để làm ma khi bố (mẹ) qua đời.

Theo phong tục của người Hmông, sau lễ cưới cô dâu về ở hẳn nhà chồng. Tuy nhiên, cũng có trường hợp chàng trai sang ở rể nếu gia đình vợ không có con trai. Trường hợp vợ chồng chung sống với nhau một thời gian dài mà không có con trai thì người chồng được phép lấy vợ lẽ. Nếu lấy vợ lẽ mà vẫn không có con trai thì có thể cưới rể, nhưng phải có sự nhất trí giữa hai vợ chồng.

Trong xã hội Hmông xưa cũng như nay, việc ly dị rất ít khi xảy ra. Xã hội Hmông có những quy định rất chặt chẽ đối với các trường hợp không chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Nếu một người đã có vợ, con mà vẫn chung chăn gối với gái chưa chồng (mặc dù cô gái đồng ý) thì bị phạt lần đầu là: 10 lít rượu, 10 kg thịt lợn để anh em họ hàng ăn uống. Nếu vi phạm lần 2 thì bị phạt bằng cách “*hu do*” nghĩa là bị thông báo

cho tất cả các hộ trong xóm biết. Kể vi phạm phải đến từng nhà để nói về lỗi lầm của mình và hứa không bao giờ lặp lại nữa; ngoài ra còn phải trả cho 2 người trong làng đi cùng, mỗi người 20.000đ. Nếu cố tình vi phạm lần thứ 3 thì phải cung cấp đủ thịt, rượu, cơm để dân bản ăn uống tại nhà trưởng bản (mỗi gia đình cử 1 người đến dự). Kể vi phạm còn phải tu sửa 300m đường mòn trong bản hoặc phải trồng ít nhất 100 cây trên đồi và phải đảm bảo cho những cây đó sống được; trường hợp cây chết thì phải trồng lại.

Nếu vợ ngoại tình với trai chưa vợ hoặc đã có vợ, cũng bị gánh chịu các hình phạt như trên. Hai người đã có gia đình mà chung chăn gối với nhau, cũng bị xử phạt tương tự.

Như chúng ta thấy, cho đến nay, người Hmông Trắng ở huyện Đông Văn còn bảo lưu được nhiều yếu tố truyền thống trong nghi lễ đám cưới. Những yếu tố này vừa phản ánh đặc điểm tộc người, vừa có ý nghĩa giáo dục đối với cá nhân và cộng đồng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Rõ ràng, sự hiểu biết sâu sắc và nhận thức đầy đủ về các giá trị của văn hoá tộc người sẽ góp phần giải quyết tốt nhiều vấn đề đặt ra ở vùng các dân tộc thiểu số, trong đó có người Hmông.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễm: *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*. Nxb KHXH, H.1995
2. Diệp Đình Hoa: *Dân tộc Hmông và thế giới thực vật*. Nxb VHDT, H.1998
3. Trần Hữu Sơn: *Văn hoá Hmông*. Nxb VHDT, H.1996
4. Cư Hoà Vân và Hoàng Nam: *Dân tộc Mông ở Việt Nam*. Nxb VHDT, H.1995.